TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hoàng Hạt.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th - sinh năm 1976, có mặt.
Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Đoàn Hoàng Đ - sinh năm 1972, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Th như sau: Bà kết hôn với ông Đoàn Hoàng Đ vào ngày năm 1995, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, còn mê tín dị đoan, đánh đập bà nhiều lần, hiện nay ông Đ đã bỏ đi không còn sống chung với gia đình và vợ chồng bà sống ly thân đã hơn 02 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Hoàng Đ.

Về con chung: Sau thời gian chung sống bà và ông Đ có 02 người con chung là Đoàn Thị Thúy V – sinh năm 1996 và Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung của vợ chồng bà thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Đoàn Hoàng Đ.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên là cháu Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002 và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đoàn Thị Thúy V – sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Hoàng Đ đã được Tòa án thông báo tìm ông trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông Đoàn Hoàng Đ không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Đoàn Hoàng Đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Hoàng Đ và xin được tiếp tục nuôi con chung là cháu Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002 và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Thị Th và ông Đoàn Hoàng Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đoàn Hoàng Đ là bị đơn trong vụ án, ông Đ có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Đoàn Hoàng Đ vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên, ngày 26 tháng 7 năm 2019 Tòa án làm việc với ông Võ Văn Đ1 giữ chức vụ Phó Trưởng ấp Phước Hiệp, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao để xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông Đ thì được ông Đầy cho biết ông Đoàn Hoàng Đ hiện vẫn còn hộ khẩu ở ấp Phước Hiệp, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đoàn Hoàng Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Đoàn Hoàng Đ kết hôn với nhau vào năm 1995, hôn nhân do mai mối nên hai người không có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau trước khi đi đến xác lập cuộc sống chung vợ chồng, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng vợ chồng ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Th và ông Đoàn Hoàng Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Đoàn Hoàng Đ có 02 người con chung tên Đoàn Thị Thúy V – sinh năm 1996 và Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002. Bà Th có nguyện vọng được nuôi con chung Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002, cháu Như cũng có văn bản nêu ý kiến muốn sống chung với bà Th. Ông Đ không nuôi con và không có ý kiến gì về quyền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th giao cháu Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004160, ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 53, 81, 82 và 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Th và ông Đoàn Hoàng Đ là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Huỳnh N – sinh ngày 12/12/2002 cho bà Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đoàn Hoàng Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004160, ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bán án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.